

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2025/DS-PT

Ngày: 14-3-2025

V/v tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Bà Kiều Kim Xuân;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04/3 và 14/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 555/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: K, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn Văn M2, sinh năm 1967.

5. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1972.

6. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975.

7. Chị Châu Hằng M3, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2) – Chi nhánh Đ – Phòng G; Địa chỉ: E, 54, E H, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là: Ông Lê Hữu Thành N1, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch. (Có Văn bản thông báo từ chối tham gia tố tụng số: 188/2024/TB-CNĐT-NH ngày 31/7/2024).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành T - Là bị đơn.

5. Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H: Vào tháng 6 năm 2022 bà H nhận chuyển nhượng của bà Lưu Thị Huệ O và ông Ngụy Bảo N2 (chồng của bà O) phần đất diện tích 930 m², thuộc 1 phần thửa 421 và 01 phần thửa 1058, tờ bản đồ số: 12, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn - tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, phần đất này giáp ranh với đất ông Nguyễn Thành T, lúc đo đạc làm thủ tục chuyển nhượng thì đã có trụ ranh 04 góc hết rồi và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà H làm hàng rào xung quanh, thì ông T cũng đến chỉ ranh cho bà làm, nhưng không phải là ranh mà trước khi bà mua ông N2, bà O đã chỉ - ông N2, bà O nói với bà H phần móng nền kho lò sấy (hiện nay kho lò sấy không còn hoạt động, tháo dỡ chỉ móng xây ở dưới đất) nằm bên đất của ông N2, bà O; còn ông T cho rằng kho lò sấy nằm bên đất của ông T, sau đó bà H có báo cho ông N2, bà O biết thì ông N2 xuống chỉ ranh lại cho bà, còn ông T cho rằng là

ranh đất không đúng, nên giữa bà H và ông T chưa thống nhất cột mốc ranh và ông T cho rằng bà H lấn ranh đất ông T, nhưng thực tế theo cột mốc ranh mà ông N2 chỉ, so với ranh ông T chỉ thì ông T lấn qua ranh đất của bà H, nên bà H gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã giải quyết nhưng không thành và đã khởi kiện ông T đến Tòa án. Nay bà H yêu cầu ông T trả lại cho H phần đất mà ông T đã lấn chiếm chiều ngang giáp lộ làng phía trước là 02m, chiều ngang sau hậu 0 mét, chiều dài một cạnh 48,7m và chiều dài một cạnh 49,5m, tổng diện tích 45,4m², thuộc 1 phần thửa 421 (đã trừ 0,3 mét thuộc 01 phần thửa 1058 đất giao thông, bà không yêu cầu giải quyết phần đất giao thông này) - tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời nghiêm cấm ông Nguyễn Thành T và gia đình không được cản trở khi bà sử dụng phần đất trên.

- **Bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:** Nguồn gốc đất mà ông T đang quản lý sử dụng là của ông bà để lại cho cha ông T là ông Nguyễn Văn T1 quản lý sử dụng từ năm 1967 đến năm 2003 cha ông T chết, để lại cho ông T quản lý sử dụng đến nay. Vào năm 2000 và năm 2003 có đi đăng ký để được cấp giấy nhưng đăng ký chưa được, tới nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích khoản 4.800m². Khi cha ông T chết để lại cho ông T không có giấy tờ, chỉ quản lý đất trên thực tế, vì chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận được nên không có văn bản gì để lại. Còn phần đất giáp ranh với ông T, ông chỉ biết đầu tiên là đất của bà cố Hồ Thị D, sau đó bà C bán lại cho gia đình ông Ba B, năm 1990 ông Ba B bán lại cho ai đó làm lò sấy (không biết họ tên địa chỉ), đến 2016 lò sấy không còn hoạt động, sau đó có lần thấy ông N2 đến phần đất và kêu anh ruột ông T tên Nguyễn Văn E ký tên tứ cận thống nhất ranh đất lúc này có cắm 04 trụ đá, (lúc đó có cùng ông Q làm địa chính xã L đo đạc, có thuê ông T2 chôn 4 trụ đá như trên và ông T3 làm thuê cho Lò sấy biết về phần ranh đất này - tôi sẽ cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ cho Tòa án sau), 04 trụ này vẫn còn như hiện trạng hiện nay, và khi Tòa án xuống đo đạc thì tôi vẫn chỉ 02 trụ đá mà trước đây năm 2016 mà anh ruột ông T đã chỉ giáp ranh. Nay ông T không thống nhất theo yêu cầu của bà H, vì phần đất diện tích 45,4m², chiều ngang giáp lộ làng phía trước là 02m, chiều ngang sau hậu 0 mét, chiều dài một cạnh 48,7m và chiều dài một cạnh 49,5m, tổng diện tích 45,7m², thuộc 1 phần thửa 421, vì thuộc về đất của ông T.

- **Những người liên quan:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966; Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1962; Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964; Ông

Nguyễn Văn M2, sinh năm 1967; Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1972; Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975; Chị Châu Hằng M3, sinh năm 1988 – (là những người thân của bị đơn Nguyễn Thành T): Đều đã được tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên không có ý kiến tại Tòa án.

- Người liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2) – Chi nhánh Đ – Phòng G - Người đại diện theo ủy quyền là: Ông Lê Hữu Thành N1, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch, trình bày tại Thông báo từ chối tham gia tố tụng số: 188/2024/TB-CNĐT-NH ngày 31/7/2024: Theo hợp đồng tín dụng số: 202226729186 ký ngày 25/7/2022. Bà Nguyễn Thanh H có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành DG 782612, sổ vào sổ cấp giấy CS04529, do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Đồng Tháp đã cấp cho bà Nguyễn Thanh H ngày 06/7/2022 (cập nhật ngày 18/7/2022) - tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp – Giá trị tài sản thế chấp: 1.581.000.000đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2) – Chi nhánh Đ – Phòng G - Người đại diện theo ủy quyền là: Ông Lê Hữu Thành N1 thông báo rằng không yêu cầu xử lý nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, xin từ chối tham gia tố tụng, xin xét xử vắng mặt các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại Bản án sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H, về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành T giao trả phần đất ranh diện tích: 45,4m² thuộc một phần các thửa: 421, tờ bản đồ số: 12, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, địa chỉ ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; xác định ranh giới giữa các thửa đất số: 421 của bà Nguyễn Thanh H với phần đất của gia đình ông Nguyễn Thành T; nghiêm cấm ông Nguyễn Thành T và gia đình không được cản trở khi bà Nguyễn Thanh H sử dụng phần đất trên.

2. Xác định mốc ranh giới đất giữa các thửa đất số: 421, tờ bản đồ số: 12, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn của bà Nguyễn Thanh H (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2022) với phần đất của gia đình ông Nguyễn Thành T (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) – cùng địa chỉ ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là từ điểm M3 (giáp đất giao

thông - lộ làng hướng N) đến điểm M2 (phía sau hậu hướng Bắc – đất Võ Thị D1), dài 49,3mét. Theo đó buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T giao trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H phần đất tranh chấp (ranh) diện tích: 45,4m² thuộc một phần thửa: 421, tờ bản đồ số: 12, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn (có chiều ngang theo hướng giáp lộ làng là 02mét, chiều dài (một cạnh - theo hướng xác định của bà H) là 49,3 mét; một cạnh - theo hướng xác định của ông T là 48,6mét), chiều ngang sau hậu là 0 mét) - địa chỉ ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và di dời bằng mọi hình thức các tài sản, cây trồng, vật kiến trúc (nếu có) ra khỏi phần đất nêu trên - nếu không tự nguyện sẽ bị cưỡng chế theo quy định.

3. Nghiêm cấm bị đơn ông Nguyễn Thành T và những người liên quan (người thân trong gia đình ông T) thực hiện hành vi lấn, chiếm, cản trở, gây khó khăn đối với bà Nguyễn Thanh H trong việc thực hiện quyền sử dụng phần đất diện tích 45,4m² thuộc một phần các thửa đất số: 421, tờ bản đồ số: 12, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn – địa chỉ tại ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: 68/SĐ.ĐD/VP.ĐKĐDHHN2023 ngày 16/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. định giá tài sản và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thành T kháng cáo yêu cầu xem xét lại Bản án số 55/2024/DS-ST ngày 20/08/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, vì thửa đất số 421 tờ bản đồ số 12 tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, chiều ngang chỉ 20m chứ không phải 22m như bà H đã nói.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm theo hướng sửa Bản án sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Nguyễn Thanh H Trình bày: Bà H giữ nguyên việc khởi kiện, không thỏa thuận được với ông Nguyễn Thành T.

+ Ông Nguyễn Thành T: Ông tâm giữ nguyên việc kháng cáo, yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành T, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thanh H khởi kiện ông Nguyễn Thành T, về việc tranh chấp ranh giới QSDĐ, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Ông T kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Bà H trình bày, vào năm 2022 bà có nhận chuyển nhượng QSDĐ của ông N2, bà O diện tích theo giấy chứng nhận cấp cho ông N2 là 930m² (ONT) thửa số 421 tờ bản đồ số 12; đất tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Bà H đã được cấp giấy chứng nhận ngày 06/7/2022 và đất của bà H giáp ranh đất của ông T chưa được cấp giấy chứng nhận. Khi bà H làm hàng rào thì ông T và bà H không thống nhất ranh đất và theo sơ đồ đo đạc ngày 16/8/2023 thì diện tích đất tranh chấp ranh là 45,4m² là của bà H, nên yêu cầu ông T trả lại diện tích đất này. Ông T không đồng ý theo yêu cầu của bà H và yêu cầu xác định ranh đất theo hai trụ đá ranh đã thống nhất từ năm 2016.

Xét thấy việc bà H yêu cầu ông T trả lại diện tích đất 45,4m² là chưa phù hợp, bởi vì: Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2023 bà H thừa nhận nguồn gốc đất là của vợ chồng ông N2, bà O, khi chuyển nhượng lại cho bà H thì không có đo đạc thực tế, vợ chồng ông N2 và bà H không ra thực địa để chỉ ranh đất của ông N2 mà chỉ căn cứ vào diện tích ghi trong giấy chứng nhận QSDĐ của ông N2 để thực hiện chuyển nhượng QSDĐ. Tại phiên tòa phúc

thâm, bà H khẳng định việc tranh chấp đối với diện tích 45,4m² không phải do ông T di dời trụ đá đã có sẵn giữa đất của bà H và ông T, mà nguyên nhân là khi bà H chuẩn bị làm hàng rào thì bà tự đo lại đất không đủ diện tích trong giấy chứng nhận cấp cho bà H ngày 06/7/2022. Đồng thời bà H xác định vị trí đất của bà thể hiện tại sơ đồ đo đạc ngày 16/8/2023 thì diện tích đất là 902,4m² cũng không đúng diện tích cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

[3] Ông T cho rằng giữa đất của ông T và đất của H đã được xác định ranh giới từ năm 2016 là có cơ sở, cụ thể như sau:

Theo trình bày của ông N2 thể hiện tại biên bản ngày 12/10/2022, thì ông N2 xác nhận vào năm 2016 ông Ngụy Trường D2 (đã chết) chuyển nhượng cho ông N2 chiều ngang 20m, vị trí đất giáp với đất của bà D1, giáp đường lộ, giáp đất ông N3 và giáp đất ông T. Hiện trạng đất có trụ ranh, đồng thời ông N2 khai: *“Thời điểm tôi xuống xác định trụ ranh có những người giáp ranh ra chứng kiến không có ai ngăn cản, tôi xuống trụ có ông S (ông S còn có tên là E và ông E là anh ruột của ông T) chứng kiến, lúc đó tôi có nói là ông đã lấn qua đất tôi khoản 03 – 04 tấc, thì ông S nói khi nào chủ sử dụng thì con trả. Tuy nhiên đến khi bán đất cho bà H, thì cô H đến xuống trụ và làm hàng rào thì ông T cho rằng tôi đã đồng ý trụ ranh này”*. Qua đó cho thấy việc trồng trụ đá mục đích là xác định ranh giới QSDĐ, nay ông N2 cho rằng còn 02 – 03 tấc nữa mới đủ chiều ngang đất mặt tiền của ông (giáp đường lộ) nhưng ông vẫn thống nhất trồng trụ đá ranh, nên ông T xác định điểm mốc ranh ngay trụ đá nêu trên là phù hợp.

Đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã L và biên bản ghi ý kiến của ông C1 (người trực tiếp trồng trụ đá ranh), xác nhận ông N2 có nhờ ông trồng trụ đá ranh, lúc đó là lấy ranh của ông N4 để đo xuống và ông C1 cũng có nghe nói là *“đo xuống 20m”*. Như vậy ông N2 xác định chiều ngang đất giáp đường lộ là 20m và thực tế hiện nay chiều ngang đất là 19,8m; bà H thừa nhận thời điểm bà nhận chuyển nhượng thì đã có các trụ đá ranh xác định vị trí đất của ông N2, nhưng bà H xác định từ trụ đá do ông N2 và ông E thống nhất trước đây đo qua đất của ông T 02m là không phù hợp.

Mặt khác vào thời điểm ông N2 nhận chuyển nhượng đất của ông D2 thì ông N2 biết ông T là người quản lý sử dụng diện tích 45,4m² đã trồng cây như

tre, giang, xoài, lựu ... và thời điểm bà H nhận chuyển QSDĐ thì ông T vẫn sử dụng đất ổn định, thực tế trồng cây không có tranh chấp. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông T yêu cầu xác định ranh đất là đường thẳng nối từ mốc 04 đến mốc 02 là có cơ sở.

[4] Xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ pháp luật như đã phân tích trên.

[5] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, chấp nhận nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm. Ranh giới QSDĐ giữa đất của bà H và đất của ông T là đường thẳng nối từ mốc số 04 đến mốc số 02 là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí:

Bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 794.000đ.

Ông T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Chi phí XXTĐTC: Bà H phải chịu số tiền 2.694.000đ (đã nộp và chi xong)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 91, 147, 157, 158, 165, 166, 186, 227, 229, khoản 2 Điều 308 và Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 12, 26, 203 Luật đất đai (đã có sửa chữa thành 11, 17, 236 – luật đất đai mới); Điều 175, 176 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận Quyết định Kháng nghị số 191/QĐKNPT- VKS-DS ngày 04/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H, về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành T giao trả phần đất ranh diện tích: 45,4m², thuộc một phần thửa 421, tờ bản đồ số: 12, mục đích sử dụng đất ở nông thôn, địa chỉ ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; xác định ranh giới giữa thửa đất số 421 của bà Nguyễn Thanh H với phần đất của gia đình ông Nguyễn Thành T; nghiêm cấm ông Nguyễn Thành T và gia đình không được cản trở khi bà Nguyễn Thanh H sử dụng phần đất trên.

3. Xác định mốc ranh giới đất giữa thửa đất số 421, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng đất ở nông thôn của bà Nguyễn Thanh H (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2022) với phần đất của gia đình ông Nguyễn Thành T (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cùng địa chỉ ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là đường thẳng nối từ mốc M4 đến mốc M2.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: 68/SĐ.ĐĐ/VP.ĐKĐDHNN2023 ngày 16/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H)

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp:

Bà H phải chịu số tiền 2.694.000đ (đã nộp và chi xong)

Các đương sự khác trong vụ án không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp.

5. Về án phí dân sự:

Bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 794.000đ. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm bà H đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu ký hiệu: 14BE-21, số: 0004241 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Vậy bà H còn phải nộp tiếp số tiền 494.000đ.

Các đương sự khác trong vụ án không phải chịu án phí sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn thành T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thành T 300.000đ mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0006285 ngày 09/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh DT;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng